

Bản án số: 34/2018/HNG-ST

Ngày: 19/6/2018

*“V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi
con”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PLEIKU, TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Như Phượng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Tô Thị Lành.

2. Bà Nguyễn Thị Phi Khanh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Quang Hoàn - Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Pleiku tham gia phiên tòa: Bà Đinh Thị Hoài Phương – Kiểm sát viên.

Trong ngày 19 tháng 6 năm 2018, tại Tòa án nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 76/2018/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 01 năm 2018 về việc *“Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 33/2018/QĐST- HNGĐ ngày 09 tháng 5 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 30/2018/QĐST-HNGĐ ngày 29 tháng 5 năm 2018, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Đỗ Thị Cẩm N, sinh năm 1975

Địa chỉ: Thôn 7, xã A, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Có mặt tại phiên tòa.

2. *Bị đơn:* Ông Trương Hữu P, sinh năm 1971

Địa chỉ: Thôn 7, xã A, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Tại đơn khởi kiện đề ngày 29/01/2018 và các tài liệu có tại hồ sơ vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Đỗ Thị Cẩm N trình bày:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Bà và ông Trương Hữu P qua tìm hiểu và tự nguyện chung sống với nhau có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, thành phố P, tỉnh Gia Lai vào năm 1995. Trong quá trình chung sống giữa bà và ông P thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do ông P thường xuyên uống rượu say về đánh bà và đập phá đồ đạc trong nhà. Ông P sống không có

trách nhiệm với gia đình, không chung thủy với vợ. Trong thời gian sống với nhau, ông P làm khổ bà rất nhiều nhưng vì các con bà cố gắng bỏ qua và chấp nhận sống chung. Nay bà không chịu đựng được thêm nữa nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Trương Hữu P.

- *Về con chung*: Bà và ông Trương Hữu P có 03 (ba) con chung là Trương Hữu Ph1, sinh ngày 12/7/1996; Trương Hữu Ph2, sinh ngày 08/02/2001 và Trương Như Ng, sinh ngày 15/12/2014.

Hiện nay, con Trương Hữu Ph1 đã thành niên và có khả năng lao động nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết. Bà có nguyện vọng được chăm sóc, nuôi dưỡng 02 (hai) con là Trương Hữu Ph2 và Trương Như Ng.

- *Về cấp dưỡng nuôi con*: Bà không yêu cầu ông Trương Hữu P cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung và nợ chung*: Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra bà Đỗ Thị Cẩm N không yêu cầu gì.

2. Toà án đã tiến hành đầy đủ các thủ tục để triệu tập hợp lệ đối với bị đơn là ông Trương Hữu P. Tuy nhiên, ông P không đến Toà án để tham gia tố tụng. Do vậy, ông P không có lời khai tại hồ sơ vụ án và cũng không có lời khai tại phiên tòa.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát:

- *Việc tuân theo pháp luật tố tụng*: Đảm bảo, đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về trình tự thụ lý và xét xử sơ thẩm vụ án.

- *Ý kiến về việc giải quyết vụ án*: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật tại các Điều 51, 56, 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, nên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đỗ Thị Cẩm N. Bà Đỗ Thị Cẩm N được ly hôn với ông Trương Hữu P. Giao cho bà Đỗ Thị Cẩm N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục 02 (hai) con chung là Trương Hữu Ph2, sinh ngày 08/02/2001 và Trương Như Ng, sinh ngày 15/12/2014.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

- Bà Đỗ Thị Cẩm N có đơn khởi kiện ly hôn ông Trương Hữu P và yêu cầu được nuôi con. Bị đơn ông Trương Hữu P đang cư trú tại thôn 7, xã A, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Do vậy, đây là vụ án kiện “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Pleiku theo quy định tại các Điều 28, 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Bị đơn là ông Trương Hữu P đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để ông P tham gia tố tụng tại phiên tòa nhưng ông P vắng mặt, nên theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông Trương Hữu P.

[2] Về quan hệ tranh chấp:

Về hôn nhân: Bà Đỗ Thị Cẩm N và ông Trương Hữu P chung sống với nhau có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, thành phố P, tỉnh Gia Lai năm 1995 trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, nên đây là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu ly hôn của bà Đỗ Thị Cẩm N thì thấy: Bà N có lời khai trình bày “*Trong quá trình chung sống giữa bà và ông P thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do ông P thường xuyên uống rượu say về đánh bà và đập phá đồ đạc trong nhà. Ông P sống không có trách nhiệm với gia đình, không chung thủy với vợ. Trong thời gian sống với nhau, ông P làm khổ bà rất nhiều nhưng vì các con bà cố gắng bỏ qua và chấp nhận sống chung...*”. Anh Trương Hữu Ph1 là con trai lớn của bà N và ông P cũng có lời khai trình bày “*Anh đã nhiều lần chứng kiến mâu thuẫn giữa bố mẹ anh, thường cãi nhau, có lúc đánh nhau*”.

Như vậy, mâu thuẫn giữa bà Đỗ Thị Cẩm N và ông Trương Hữu P là có thật. Ngoài ra ông Trương Hữu P đã được Tòa án tổng đạt đầy đủ các thủ tục để ông tham gia tố tụng, trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu ly hôn của bà N nhưng ông P đều vắng mặt chứng tỏ ông không quan tâm đến việc có cần tiếp tục duy trì cuộc hôn nhân của vợ chồng hay không; đến nay bà N khẳng định không thể chịu đựng để kéo dài cuộc sống hôn nhân với ông P nữa nên có cơ sở để xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa bà N và ông P đã trầm trọng không thể hàn gắn được nữa, mục đích của hôn nhân là xây dựng một gia đình hoà thuận, hạnh phúc không đạt được nên việc bà Đỗ Thị Cẩm N yêu cầu được ly hôn với ông Trương Hữu P là có căn cứ, được chấp nhận.

Về con chung: Bà Đỗ Thị Cẩm N và ông Trương Hữu P có 03 (ba) con chung là Trương Hữu Ph1, sinh ngày 12/7/1996; Trương Hữu Ph2, sinh ngày 08/02/2001 và Trương Như Ng, sinh ngày 15/12/2014.

Hiện nay, cháu Trương Hữu Ph1 đã thành niên và có khả năng lao động nên bà N không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với 02 (hai) cháu là Trương Hữu Ph2 và Trương Như Ng, bà Đỗ Thị Cẩm N có nguyện vọng được nuôi cả 02 (hai) cháu. Xét yêu cầu của bà N là có căn cứ vì cháu Ph2 có nguyện vọng muốn ở với bà N, cháu Ng còn nhỏ nên cần có sự quan tâm chăm sóc của mẹ nhiều hơn. Ngoài ra ông P cũng không có ý kiến gì về việc nuôi các con, như vậy coi như ông P từ bỏ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà Đỗ Thị Cẩm N. Giao cho bà N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục 02 (hai) con là Trương Hữu Ph2 và Trương Như Ng cho đến khi các con thành niên và có khả năng lao động.

- **Về cấp dưỡng nuôi con:** Bà Đỗ Thị Cẩm N không yêu cầu ông Trương Hữu P cấp dưỡng nuôi con. Đây là sự tự nguyện của bà N, không trái pháp luật nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- **Về tài sản chung và nợ chung:** Bà Đỗ Thị Cẩm N không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Bà Đỗ Thị Cẩm N phải chịu án phí hôn nhân gia đình theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 4, 5, 6, 8, 9, 10, 28, 35, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 1 Điều 238, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đỗ Thị Cẩm N.

1. Bà Đỗ Thị Cẩm N được ly hôn với ông Trương Hữu P.

2. Giao cho bà Đỗ Thị Cẩm N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục 02 (hai) con chung là Trương Hữu Ph2, sinh ngày 08/02/2001 và Trương Như Ng, sinh ngày 15/12/2014 cho đến khi các con thành niên hoặc đã thành niên mà mất năng lực hành vi dân sự, không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

Người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc quyết định thay đổi mức cấp dưỡng.

3. Bà Đỗ Thị Cẩm N phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (**Ba trăm ngàn đồng**), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0003211 ngày 29/01/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai; bà Đỗ Thị Cẩm N đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, nguyên đơn có quyền làm đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm. Bị đơn ông Trương Hữu P vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai;
- Viện kiểm sát nhân dân thành phố Pleiku;
- Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Pleiku;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đinh Thị Như Phượng